

Số: 619/KH-UBND

Bình Lư, ngày 08 tháng 4 năm 2026

KẾ HOẠCH
Hỗ trợ giống Lúa Ség Cù vụ mùa năm 2026
cho các bản trên địa bàn xã Bình Lư

Căn cứ Nghị định số 112/2024/NĐ-CP ngày 11 tháng 9 năm 2024 của Chính phủ quy định chi tiết về đất trồng lúa;

Căn cứ Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của HĐND tỉnh Lai Châu quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu;

Căn cứ Công văn số 5221/SNNMT-TT&BVTV ngày 14/11/2015 của Sở Nông nghiệp và Môi trường về việc đề xuất phương án phân bổ nguồn vốn hỗ trợ để thực hiện bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh năm 2026;

Căn cứ Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Lư về việc giao dự toán thu, chi ngân sách địa phương năm 2026;

Căn cứ nhu cầu đăng ký của các hộ dân trên địa bàn, UBND xã Bình Lư xây dựng Kế hoạch hỗ trợ giống lúa Ség cù, vụ mùa năm 2026 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Mục đích: Thúc đẩy tái cơ cấu nông nghiệp, khai thác có hiệu quả tiềm năng lợi thế về đất đai để đầu tư phát triển nông nghiệp, hình thành các vùng sản xuất hàng hóa tập trung, tạo sản phẩm nông nghiệp đặc sản trên địa bàn.

2. Yêu cầu: Thực hiện hỗ trợ giống lúa vụ mùa năm 2026 cho nhân dân các bản trên địa bàn xã đảm bảo đúng mục tiêu, đối tượng áp dụng, nội dung và mức hỗ trợ, điều kiện hỗ trợ được quy định tại Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của HĐND tỉnh Lai Châu quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

II. NỘI DUNG

1. Nội dung hỗ trợ:

- Tổng diện tích hỗ trợ 111,1 ha/19 bản đăng ký. Trong đó:
- + Diện tích được ngân sách nhà nước hỗ trợ 100% giá giống: 51,2 ha với 10 bản đăng ký.

+ Diện tích được ngân sách nhà nước hỗ trợ 70% giá giống: 59,9 ha với 9 bản đăng ký.

- Khối lượng giống hỗ trợ 3.887,6 kg,

- Cơ cấu: Giống lúa Ség Cù.

(Có biểu chi tiết kèm theo)

2. Thời gian, tiến độ thực hiện

- Thời gian: Năm 2026.

- Tiến độ thực hiện

+ Lập thủ tục cấp hỗ trợ trong tháng 4/2026.

+ Hợp đồng và cấp giống hỗ trợ tháng 5/2026.

3. Nguồn kinh phí: Nhà nước hỗ trợ (được giao tại Quyết định số 865/QĐ-UBND ngày 30 tháng 12 năm 2025 của UBND xã Bình Lư) và nhân dân đóng góp.

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Trung Tâm Dịch vụ tổng hợp: Tổ chức thực hiện kế hoạch hỗ trợ giống đảm bảo theo đúng quy định hiện hành; phối hợp với các cơ quan chuyên môn tăng cường công tác chuyển giao kỹ thuật về giống, chăm sóc và phòng trừ sâu bệnh.

2. Phòng Kinh tế phối hợp với Trung tâm Dịch vụ tổng hợp hướng dẫn, sử dụng kinh phí cấp giống đảm bảo đúng quy định.

3. Trưởng bản trên địa bàn xã tổ chức thực hiện tốt các nội dung được quy định tại Nghị quyết số 13/2025/NQ-HĐND ngày 22 tháng 4 năm 2025 của HĐND tỉnh Lai Châu quy định nguyên tắc, phạm vi, định mức hỗ trợ và việc sử dụng kinh phí hỗ trợ bảo vệ đất trồng lúa trên địa bàn tỉnh Lai Châu.

Trên đây là Kế hoạch hỗ trợ giống lúa Ség cù vụ mùa năm 2026 cho nhân dân trên địa bàn xã Bình Lư. UBND xã yêu cầu các cơ quan, đơn vị và trưởng các bản triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- TT: Đảng ủy, HĐND xã (B/c);
- Chủ tịch, PCT UBND xã;
- Ủy ban MTTQ VN xã;
- Phòng Kinh tế xã;
- Trung Tâm Dịch vụ tổng hợp xã;
- Trưởng bản các bản;
- Lưu: VT.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Trần Như Hợp

BIỂU TỔNG HỢP
DIỆN TÍCH ĐĂNG KÝ TRỒNG LÚA SÉNG CỦA CÁC BẢN TRÊN ĐỊA BÀN XÃ BÌNH LƯ
NĂM 2026

(Kèm theo Kế hoạch số: 619/KH-UBND ngày 8 tháng 4 năm 2026 của UBND xã Bình Lư)

STT	Địa chỉ bản	Diện tích (ha)	Khối lượng (35kg/ha)	Diện tích được HT 100% giá giống	Diện tích được HT 70% giá giống	Ghi chú
1	Bản Thác Tình	11,4	399,0	11,4		Thôn đặc biệt khó khăn
2	Bản Nà Đa	29,3	1.023,8		29,3	
3	Tiên Bình	12,6	441,7		12,6	
4	Chu Va 6	0,8	28,0		0,8	
5	Máy Đường	0,4	14,0		0,4	
6	Hoa Vân	1,3	45,0	1,3		Thôn đặc biệt khó khăn
7	Nà Khan	4,3	150,5	4,3		Thôn đặc biệt khó khăn
8	Chu Va 12	3,0	103,3		3,0	
9	Nà Hum	2,1	73,5	2,1		Thôn đặc biệt khó khăn
10	Nà Phát	4,9	171,5	4,9		Thôn đặc biệt khó khăn
11	Hưng Bình	5,8	203,0	5,8		Thôn đặc biệt khó khăn
12	Nà San	0,2	7,0	0,2		Thôn đặc biệt khó khăn
13	Tân Bình	4,6	161,0	4,6		Thôn đặc biệt khó khăn
14	Nà Đon	14,3	500,5	14,3		Thôn đặc biệt khó khăn
15	Thông Nhất	1,3	45,5		1,3	
16	Mường Cầu	2,1	73,5		2,1	
17	Thèn Thầu	2,3	80,5	2,3		Thôn đặc biệt khó khăn
18	Nậm Tường	7,2	251,0		7,2	
19	Sân bay	3,3	115,5		3,3	
	Tổng Cộng	111,1	3.887,6	51,2	59,9	